TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11-5-2020
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng**

2. Ông **Đỗ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên toà.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXX-ST ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N,** sinh năm 1971 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2020 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Văn N do tự tìm hiểu quen biết rồi đi đến hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới vào tháng 01 năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình chồng được 06 năm đến tháng 02 năm 1999 vợ chồng ra riêng tự lập tại ấp R, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được 24 năm đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã mất hạnh phúc, anh N không quan tâm đến vợ con. Chị và anh N không còn sống chung từ tháng 6 năm 2017 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- *Con chung:* Trong đời sống chung vợ chồng anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1994 và Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 16 tháng 4 năm 1996 hiện các con đã thành niên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Các khoản nợ chung phải thu, phải trả:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

**** Theo bảng khai ý kiến ngày 18 tháng 3 năm 2020 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:***

- *Mối quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc L do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1993 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình anh đến năm 1999 vợ chồng ra riêng tự lập tại ấp R, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh có lo tiền cho chị L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng chị L trở về nước từ thời gian nào thì anh không biết. Từ khi chị L trở về anh không có gặp mặt chị L và chị L nộp đơn xin ly hôn với anh. Anh và chị L không còn sống chung từ năm 2018 đến nay.

Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- *Con chung:* Trong đời sống chung vợ chồng anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1994 và Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 16 tháng 4 năm 1996 hiện các con đã thành niên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Các khoản nợ chung phải thu, phải trả:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: 02 đơn xin xác nhận, phiếu chuyển phát nhanh, 02 trích lục khai sinh bản sao.

Bị đơn đã nộp: bảng khai ý kiến ngày 18 tháng 3 năm 2020, đơn xin vắng mặt ngày 18 tháng 3 năm 2020.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị Ngọc L có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Vũng Liêm. Ngày 18 tháng 3 năm 2020 anh Nguyễn Văn N có đơn xin vắng mặt tại Toà án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn N là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Mặc dù hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo chị L trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã mất hạnh phúc, anh N không quan tâm đến vợ con. Chị và anh N không còn sống chung từ tháng 6 năm 2017 đến nay.

Phía anh N trình bày anh và chị L có đăng ký kết hôn nhưng anh không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn. Anh N trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị L có đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, khi chị L trở về thì nộp đơn xin ly hôn với anh.

Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị L và anh N thuận tình ly hôn nhưng do anh chị không đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý không công nhận chị L và anh N là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn N thống nhất xác định anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1994 và Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 16 tháng 4 năm 1996 hiện các con đã thành niên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn N thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn N thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Ngọc L nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử**:

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng.

[2] Con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn N thống nhất xác định anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1994 và Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 16 tháng 4 năm 1996 hiện các con đã thành niên không yêu cầu Toà án giải quyết. Miễn xét.

[3] Tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn N thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn N thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Ngọc L nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^0 0007972 ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án

hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Văn Vui